

Số: 2505/QĐ-BNN-VPĐP

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc
Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-BNN-VPĐ ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1) được thành lập theo các Quyết định: Số 1655/QĐ-BNN-VPĐP ngày 24/4/2023, số 1952/QĐ-BNN-VPĐP ngày 18/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 - Đợt 1 (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương chủ trì hướng dẫn và tổ chức tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông

thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1) theo trình tự, thủ tục, quy trình quản lý đối với chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Các Bộ: KH-CN, TC (để biết);
- Các Vụ: KH-CN&MT, TC (để p/h);
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐỢT 1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2505/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu đề xuất giải pháp lồng ghép các Chương trình chính sách để thực hiện hiệu quả Chương trình nông thôn mới ở địa bàn khó khăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; - Nghiên cứu các mô hình điển hình trong các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện phù hợp với chính sách quốc gia và địa phương; - Đánh giá được thực trạng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, từ đó rút ra được 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp với các kết quả nghiên cứu; - Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng thực hiện các Chương trình tiêu quốc gia tại địa phương (phân tích, làm rõ các vướng mắc hiện nay liên quan đến nguồn vốn, nguồn lực, đối tượng, địa bàn, quản lý, chỉ đạo, điều hành,...); - Báo cáo rà soát, phân tích các quy định pháp lý, văn bản, chính sách về lồng ghép các chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia; đề xuất giải pháp khả thi phù hợp với địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; - 01 dự thảo sách hoặc tài liệu dưới dạng cẩm nang hướng dẫn lồng ghép (các giải pháp khả thi để phối hợp, lồng ghép về nội dung, nguồn lực, đối tượng, địa bàn, 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Đề tài

2

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>các bài học, kinh nghiệm của giai đoạn trước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đề xuất các giải pháp khả thi để lồng ghép các hoạt động, mô hình các Chương trình mục tiêu quốc gia với các chính sách khác của nhà nước thực hiện tại các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; - Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan để phối hợp, lồng ghép các Chương trình, Chính sách, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình Nông thôn mới ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi. 	<p>quản lý,... của các Chính sách, Chương trình dự án cụ thể ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi);</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bản kiến nghị chính sách (cụ thể nhóm, đối tượng, Chương trình, ...) góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình Nông thôn mới ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; - 02 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành. 			
2	Nghiên cứu xây dựng mô hình thôn, bản nông thôn mới thông	Nghiên cứu, xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong xây dựng	- 01 báo cáo phân tích cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn xây dựng mô hình;			

u

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	<p>minh gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở miền Tây Nghệ An.</p>	<p>thiết chế tổ chức, quản lý cấp thôn, bản phù hợp với mô hình xã nông thôn mới thông minh góp phần hoàn thiện dịch vụ chính quyền số, hỗ trợ việc điều hành chính quyền các cấp với tương tác đến với người dân ở những địa bàn khó khăn nhất (các địa bàn chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhưng có các điều kiện cơ sở ứng dụng Công nghệ thông tin hay Công nghệ số); hướng đến phát triển sản phẩm thủ công truyền thống, gắn với phát triển du lịch cộng đồng ở miền Tây Nghệ An.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 01 đề án/kế hoạch xây dựng mô hình chuyển đổi số bao trùm cho Thôn, Bản phù hợp với các mô hình xã nông thôn mới thông minh hay xã thương mại điện tử; - 01 kế hoạch và mô hình đề xuất xây dựng các thành phần công nghệ và thiết chế trong mô hình chuyển đổi số bao trùm cho Thôn, Bản phù hợp với các mô hình xã Nông thôn mới thông minh hay xã thương mại điện tử (xây dựng 01 nền tảng, hoặc ứng dụng dùng chung bảo đảm sự kết nối thống nhất, đồng bộ); - 01 kế hoạch đề thí điểm 2 mô hình theo 2 định hướng (xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử), chọn các điểm mạnh, sáng kiến, sáng tạo địa phương làm đặc thù; - 01 báo cáo tổng kết mô hình cho việc ứng dụng chuyển đổi số đối với các địa bàn chưa đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao để thực hiện hướng đến chuyển đổi số và phát triển bền vững. - 01 báo cáo tổng kết nhiệm vụ. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. 	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Đề tài</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
3	<p>Nghiên cứu giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Áp dụng thử nghiệm cho dân tộc Pà Thẻn tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.</p>	<p>Đề xuất được giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng, tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc. - Báo cáo giải pháp phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc. - Mô hình thử nghiệm du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn cho dân tộc Pà Thẻn tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu đối với kết quả mô hình: 100% hộ tham gia mô hình triển khai các giải pháp phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; 85% chất thải rắn sinh hoạt có nguồn gốc hữu cơ và 65% phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; thu nhập hộ tham gia mô hình tăng tối thiểu 15%/năm so với trước khi tham gia. - Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng theo hướng kinh tế tuần hoàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc. 	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Đề tài</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - 02 bài báo (trong nước hoặc quốc tế theo quy định). - Đào tạo 01 thạc sĩ. 			
4	<p>Nghiên cứu giải pháp phát triển sản xuất, chế biến cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp tại các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng và Bắc Kạn.</p>	<p>Xây dựng và triển khai có hiệu quả các giải pháp phát triển sản xuất, chế biến cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp tại các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng và Bắc Kạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng và cơ sở lý luận tiềm năng phát triển cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng và Bắc Kạn; - Mỗi tỉnh xây dựng được ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; 01 mô hình hệ thống cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch nông nghiệp tại Tuyên Quang; 01 mô hình phát triển thương hiệu cây ăn quả ôn đới được chứng nhận sản phẩm OCOP tại Cao Bằng và 01 mô hình thâm canh cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái gắn với thị trường tại Bắc Kạn; - 02 mô hình sản xuất-chế biến cây ăn quả ôn đới theo hướng sinh thái gắn với du lịch nông nghiệp. Nâng cao được giá trị kinh tế $\geq 15\%$; - 03 mô hình trồng mới cây ăn quả ôn 	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Đề tài</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<p>đời tại 3 tỉnh, quy mô 03 – 05 ha/tỉnh; tỷ lệ sống đạt $\geq 90\%$, cây sinh trưởng tốt;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được giải pháp và cơ chế chính sách phát triển sản xuất, chế biến, thương mại cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái để nhân rộng cho vùng miền núi phía Bắc; - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về trồng, chăm sóc, chế biến cây ăn quả ôn đới theo hướng nông nghiệp sinh thái. - Tập huấn cho 300 học viên và 01 phóng sự tuyên truyền/tỉnh; - Tối thiểu 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
5	Xây dựng mô hình phát triển chuỗi giá trị cau bền vững và nâng cao năng lực hợp tác xã tại Quảng Nam.	Xây dựng được mô hình hợp tác xã ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trồng, sơ chế, chế biến cau theo hướng tuần hoàn, đa dạng hóa sản phẩm từ cây cau kết hợp du lịch sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình vườn ươm cau quy mô 100.000 cây cau/năm; - 02 - 03 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trồng mới cau (quy mô 03 – 05 ha/mô hình); - 01 mô hình trồng cau theo hướng nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch sinh thái; - 01 mô hình ứng dụng công nghệ sơ chế, chế biến theo hướng tuần hoàn; 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Dự án

24

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 02 sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cau đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao; - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về trồng, chăm sóc, chế biến cau. - Tập huấn 500 học viên. - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
6	<p>Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển một số sản phẩm từ dứa theo chuỗi liên kết phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 tại tỉnh Điện Biên.</p>	<p>Xây dựng thành công mô hình hợp tác xã trồng dứa theo chuỗi liên kết đối với các sản phẩm chế biến từ dứa, đảm bảo bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân góp phần xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Điện Biên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 02 mô hình nhân giống dứa, quy mô 02 ha/mô hình; - 01 Quy trình trồng dứa rải vụ tại Điện Biên được ban hành (cấp cơ sở); - 02 mô hình trồng dứa, quy mô 20 - 30 ha/mô hình; - Xây dựng mã vùng trồng dứa tại tỉnh Điện Biên; - 02 mô hình hợp tác xã trồng, bảo quản sau thu hoạch, chế biến dứa liên kết với doanh nghiệp quy mô 1.500 tấn/năm, giảm chi phí sản xuất 10 - 15%; - Xây dựng 03 - 05 nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm dứa; - Tối thiểu 01 sản phẩm dứa đạt OCOP 4 sao; 	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Dự án</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được 02 - 03 kênh phân phối chất lượng cao, gắn với du lịch nông thôn cho các sản phẩm chế biến từ dừa của tỉnh. - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về trồng, chăm sóc, chế biến dừa. - Tập huấn kỹ thuật cho 150 học viên; - Xây dựng 01 phóng sự thời lượng 10 phút giới thiệu, phổ biến về quá trình canh tác, bảo quản sau thu hoạch, chế biến đối với quả dừa phát trên truyền hình địa phương. - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
7	Xây dựng mô hình phát triển cây gai xanh API gắn với doanh nghiệp tiêu thụ nhằm nâng cao thu nhập cho người dân trong xây dựng nông thôn mới tại các huyện miền Tây tỉnh Nghệ An.	Xây dựng thành công 3 mô hình trồng, sơ chế cây gai xanh API liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ tại 3 huyện miền Tây tỉnh Nghệ An.	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật trồng cây gai xanh API được ban hành (cấp cơ sở); - 03 mô hình trồng cây gai xanh API tại 3 huyện miền Tây tỉnh Nghệ An, quy mô 03 - 05 ha/mô hình; - 01 mô hình liên kết người sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm gai xanh API. - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về trồng, chăm sóc, sơ chế gai xanh. 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Dự án

Handwritten signature or mark

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo tập huấn cho 180 học viên; - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
8	<p>Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển dược liệu Sói rừng [<i>Sarcandra glabra</i> (Thunb.) Nakai], Cát sâm (<i>Millettia speciosa</i> Champ.) theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch trong xây dựng nông thôn mới tại Thanh Hóa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng và chế biến sản phẩm dược liệu Sói rừng, Cát sâm. - Xây dựng được mô hình trồng Cát sâm, Sói rừng dưới tán rừng và vườn nhà có năng suất cao, hoạt chất cao theo tiêu chuẩn GACP-WHO. - Xây dựng được mô hình chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm OCOP từ cây Sói rừng và Cát sâm gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới. - Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và người dân trong quản lý, tổ chức, triển khai, sản xuất dược liệu theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 02 vườn nhân giống quy mô 500 m²/loài (Sói rừng: 100.000 cây, Cát sâm (30.000 cây); - Mô hình trồng Sói rừng (5,0 ha, năng suất 8-10 tấn/ha), Cát sâm (5,0 ha, năng suất 15-20 tấn/ha, củ tươi); - Dược liệu Sói rừng khô đạt Dược điển Việt Nam V (05 tấn dược liệu khô); Cát sâm tươi (50 tấn) đạt tiêu chuẩn cơ sở, đã bao gồm khối lượng để làm Cát sâm khô (1 tấn) và các sản phẩm trà túi lọc đạt Dược điển Việt Nam V được đăng ký sản phẩm OCOP cấp tỉnh. - 02 loại trà túi lọc thảo dược từ cát sâm, sói rừng và một số dược liệu khác (mỗi loại 250.000 gói x 3 - 5 g/gói) được công bố sản phẩm bảo vệ sức khỏe và được đăng ký sản phẩm OCOP cấp tỉnh. - Quy trình nhân giống, trồng và sơ chế Sói rừng và Cát sâm tại Thanh Hóa. - Quy trình công nghệ sản xuất dược 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Dự án

Handwritten signature

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch nông thôn.	<p>liệu, trà túi lọc thảo dược từ Cát sâm, Sói rừng tại Thanh Hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chuỗi giá trị sản xuất dược liệu cát sâm và sói rừng với người dân tham nhân giống, trồng và sơ chế dược liệu; tổ chức kinh tế thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ dược liệu Sói rừng và Cát sâm tại Thanh Hóa. - Tài liệu hướng dẫn du lịch công đồng gắn với chuỗi giá trị dược liệu cát sâm, sói rừng của dự án. - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến cây thuốc: 02 lớp về kỹ thuật trồng, 02 lớp về du lịch cộng đồng, 100 cán bộ kỹ thuật, khuyến nông, cán bộ hợp tác xã, và nông dân tham gia. - Đề xuất các giải pháp phát triển dược liệu theo chuỗi giá trị tại Thanh Hóa gắn với du lịch cộng đồng; - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. 			
9	Mô hình sản xuất liên kết chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến, sản xuất và tiêu thụ	- Tiếp nhận và hoàn thiện được quy trình công nghệ nhân giống, trồng và chế biến nấm sò	- 01 mô hình bảo quản, lưu giữ và nhân giống nấm sò vàng - Tamogi quy mô 300 m ² ;			

Handwritten signature or mark

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	<p>nguyên liệu và chế phẩm bảo vệ sức khỏe từ nấm sò vàng - Tamogi (<i>Pleurotus citrinopileatus</i> Singer) góp phần nâng cao giá trị và phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch cho vùng trung du phía Bắc.</p>	<p>vàng - Tamogi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình trồng nấm sò vàng - Tamogi ứng dụng công nghệ cao cho năng suất và chất lượng hoạt chất cao theo tiêu chuẩn GACP-WHO. - Xây dựng được mô hình chuỗi giá trị gắn nuôi trồng với chế biến, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm OCOP từ nấm sò vàng - Tamogi gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới. - Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương và người dân trong quản lý, tổ chức, triển khai, sản xuất nguyên liệu và sản phẩm từ nấm sò vàng - Tamogi theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 02 mô hình trồng nấm sò vàng - Tamogi ứng dụng công nghệ cao (01 mô hình trồng trong nhà kín có kiểm soát điều kiện nuôi trồng 500 m²; mô hình trồng trong nhà thoáng khí 500 m²) cho tối thiểu 60 tấn nấm tươi/năm đạt tiêu chuẩn cơ sở. - 01 cơ sở chế biến, chiết xuất hoạt chất, bảo quản từ nấm sò vàng - Tamogi qui mô 200 m² (làm sạch, sấy khô, chiết xuất, bảo quản). - 60 tấn nấm sò vàng - Tamogi tươi đã bao gồm nấm tươi để sấy khô tạo ra 1000 kg nấm sò vàng khô để làm: 50 kg bột cốt nấm sò vàng - Tamogi, trà túi lọc và 6.000 lít dịch chiết nấm sò vàng - Tamogi (có chứa > 28,0% β-glucan) đạt tiêu chuẩn cơ sở, được công bố sản phẩm bảo vệ sức khỏe và đăng ký sản phẩm OCOP cấp tỉnh. - Quy trình công nghệ lưu giữ, bảo quản và nhân giống nấm sò vàng - Tamogi. - Quy trình công nghệ trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế nấm sò vàng - Tamogi - Quy trình công nghệ chế biến tạo sản phẩm trà túi lọc, dịch chiết từ nấm sò 	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Dự án</p>

Handwritten signature

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<p>vàng - Tamogi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chuỗi giá trị sản xuất nấm sò vàng - Tamogi với người dân tham gia nhân giống, trồng, chăm sóc và sơ chế; tổ chức kinh tế thu mua, chế biến, tiêu thụ và đăng ký sản phẩm OCOP với các sản phẩm từ nấm sò vàng - Tamogi. - Đào tạo, tập huấn kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến sản phẩm trà túi lọc, dịch chiết từ nấm sò vàng - Tamogi: 02 lớp về kỹ thuật trồng, 02 lớp về chế biến sản phẩm trà túi lọc, dịch chiết từ nấm sò vàng - Tamogi, 100 cán bộ kỹ thuật, khuyến nông, cán bộ hợp tác xã, và nông dân tham gia. - Đề xuất các giải pháp phát triển dược liệu theo chuỗi giá trị tại Hòa Bình gắn với du lịch cộng đồng; - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 			
10	Tích hợp các giá trị văn hoá vào sản phẩm OCOP các tỉnh Tây Bắc.	Thúc đẩy phát triển các sản phẩm OCOP gắn với giá trị văn hóa cộng đồng các dân tộc vùng Tây Bắc, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo cơ sở khoa học cho việc tích hợp các giá trị văn hóa gắn với các sản phẩm OCOP . - Báo cáo thực trạng về tích hợp giá trị văn hóa vào sản phẩm OCOP vùng Tây Bắc. 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Đề tài

76

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>gìn bản sắc văn hóa nông thôn miền núi vùng Tây Bắc - Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo định hướng phát triển một số sản phẩm OCOP gắn với các giá trị văn hóa vùng Tây Bắc . - Cẩm nang tích hợp các giá trị văn hóa trong các sản phẩm OCOP tiêu biểu vùng Tây Bắc (6 câu chuyện đại diện cho 6 nhóm sản phẩm OCOP của vùng Tây Bắc). - Sổ tay hướng dẫn tích hợp các giá trị văn hóa cho các sản phẩm OCOP vùng Tây Bắc. - Tài liệu tập huấn những kiến thức truyền thông về tích hợp các giá trị văn hóa vào sản phẩm OCOP. - Mô hình tích hợp giá trị văn hóa cho các sản phẩm OCOP gắn với du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. - Hệ thống giải pháp tích hợp giá trị văn hóa Tây Bắc vào các sản phẩm OCOP vùng Tây Bắc (Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn; Giải pháp vận dụng cơ chế chính sách để tích hợp giá trị văn hóa và thúc đẩy tiêu thụ sản 			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<p>phẩm OCOP; Giải pháp truyền thông; Giải pháp huy động nguồn lực).</p> <p>- 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.</p>			
11	<p>Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng miền núi Tây Nghệ An.</p>	<p>Nghiên cứu phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống bà con vùng miền núi Tây Nghệ An nói chung, bà con các dân tộc Mông, Khơ Mú và Ơ Đu nói riêng.</p>	<p>1. Nghiên cứu thực trạng tri thức bản địa của đồng bào dân tộc Mông, Khơ Mú và Ơ Đu trên địa bàn miền núi Tây Nghệ An.</p> <p>- Đánh giá và lựa chọn những lĩnh vực tri thức bản địa nổi bật, có thể xây dựng thành sản phẩm OCOP và có khả năng thương mại hóa trên thị trường.</p> <p>- Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP từ những tri thức bản địa đã chọn của ba dân tộc trên.</p> <p>2. Xây dựng mô hình kết nối, khai thác phát triển chuỗi giá trị sản phẩm tri thức bản địa của đồng bào ba dân tộc đã chọn tới thị trường trong và ngoài nước thông qua ứng dụng công nghệ số để hướng tới nông thôn mới thông minh.</p> <p>- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để xây dựng mô hình phát triển sản phẩm từ tri thức địa phương ra thị trường.</p>	<p>24 tháng (2023-2025)</p>	<p>Tuyển chọn</p>	<p>Đề tài</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Số hóa điểm tham quan du lịch, cảnh quan thiên nhiên và các nét văn hóa đặc trưng, sản phẩm đặc trưng của các dân tộc để có hình thức quảng bá phù hợp. - Đa dạng hóa sản phẩm. 3. Xây dựng bộ nhận diện và nhãn hiệu cho các sản phẩm OCOP được hình thành từ tri thức bản địa của các dân tộc để khai thác và phát triển, qua đó xây dựng biểu tượng văn hóa cho sản phẩm. - Lựa chọn mỗi dân tộc một sản phẩm để xây dựng bộ nhận diện và tư vấn xây dựng nhãn hiệu sản phẩm và khai thác phát triển nhãn hiệu đó. - Truyền thông sản phẩm qua mạng xã hội, qua truyền hình, qua không gian trải nghiệm sản phẩm, xây dựng phim quảng cáo (Television Video Commercials – TVC),... - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
12	Phát huy giá trị văn hóa bản địa trong phát triển du lịch nông thôn gắn	Phân tích, nhận diện, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy văn hóa của cộng đồng	- Báo cáo cơ sở lý luận về giá văn hóa cộng đồng địa phương: Con người; không gian và phương thức canh tác,	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Đề tài

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	<p>với xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Ninh Thuận.</p>	<p>địa phương trong phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tại Ninh Thuận.</p>	<p>văn hoá vật thể, phi vật thể, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phân tích dữ liệu về điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn và thách thức ứng với việc khai thác phát triển văn hóa cộng đồng địa phương gắn với du lịch nông thôn. - Báo cáo nhận diện văn hóa của cộng đồng địa phương thông qua con người, không gian và phương thức canh tác tại địa bàn triển khai mô hình. - Sổ tay hướng dẫn chuyên tài văn hóa cộng đồng địa phương vào trong phát triển sản phẩm du lịch nông thôn. - Tập tài liệu của 02 tọa đàm khoa học gắn với nội dung triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Tập tài liệu của 03 lớp tập huấn nghiệp vụ triển khai du lịch cho các điểm du lịch và cộng đồng, cán bộ quản lý. - Hệ thống giải pháp phát huy giá trị văn hóa cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch nông thôn tại Việt Nam. - Mô hình điểm triển khai du lịch nông thôn cụ thể trên nền tảng chuyên tài các 			

26

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<p>giá trị văn hóa cộng đồng địa phương và các giải pháp triển khai mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá triển khai mô hình điểm. - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 			
13	Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển chăn nuôi dê thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Ứng dụng thành công khoa học công nghệ chăn nuôi dê thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	<ul style="list-style-type: none"> - 1.000 dê thịt quy mô tối thiểu 10 con/hộ, kết thúc 6 tháng tuổi dê đạt khối lượng $\geq 15\text{kg/con}$. - Quy trình chăn nuôi dê theo hướng tuần hoàn. - Tối thiểu 02 mô hình (hợp tác xã, tổ hợp tác) chăn nuôi dê thịt theo chuỗi liên kết, tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15% (trong đó có 01 mô hình thực hiện tại địa phương khó khăn chưa đạt chuẩn nông thôn mới). - Đào tạo, tập huấn 200 cán bộ kỹ thuật và nông dân trong và ngoài mô hình. - Tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 	12 tháng (2023-2024)	Tuyển chọn	Đề tài
14	Phát triển chăn nuôi cừu thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với du lịch	Phát triển được đàn cừu thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - 2000 con cừu lai (đực Dorper x cái Phan Rang): kết thúc 6 tháng tuổi tỷ lệ sống $\geq 90\%$; đạt khối lượng $\geq 25\text{kg/con}$. 			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	nông thôn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	nông thôn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.	<ul style="list-style-type: none"> - 02 mô hình (hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc nhóm hộ) chăn nuôi cừu thịt theo chuỗi liên kết, tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15% (trong đó có 01 mô hình thực hiện tại địa phương chưa đạt chuẩn nông thôn mới). - 01 cơ sở chăn nuôi cừu gắn với du lịch nông thôn. - Quy trình chăn nuôi cừu theo hướng tuần hoàn. - Đào tạo, tập huấn 200 cán bộ kỹ thuật và nông dân trong và ngoài mô hình. - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Đề tài
15	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nghề sản xuất Muối hầm truyền thống Tuyết Diêm gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Muối hầm truyền thống Tuyết Diêm trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. - Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Muối hầm truyền thống huyện sông Cầu theo chuỗi giá trị gắn 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Muối hầm truyền thống trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (xác định được tiềm năng, lợi thế phát triển gắn với du lịch nông , nông thôn; tồn tại hạn chế và các yếu tố tác động...). - 01 Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Muối hầm truyền thống Tuyết Diêm theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch trải nghiệm trên địa bàn thị 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Đề tài

U

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Ứng dụng công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm Muối hầm truyền thống ở Phú Yên.</p> <p>- Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy làng nghề truyền thống sản xuất Muối hầm truyền thống gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thị xã Sông Cầu và tỉnh Phú Yên.</p>	<p>xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- 01 Báo cáo phân tích và đề xuất giải pháp ứng dụng khoa học tiến bộ kỹ thuật nhằm bảo tồn và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm Muối hầm truyền thống Tuyệt Diêm trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- 01 Báo cáo đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy làng nghề truyền thống sản xuất Muối hầm truyền thống Tuyệt Diêm gắn với phát triển du lịch trải nghiệm trên địa bàn thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho người dân tham gia phát triển mô hình du lịch trải nghiệm gắn với vùng nguyên liệu, làng nghề sản xuất Muối hầm ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Bộ giải pháp gia tăng giá trị Muối hầm Tuyệt Diêm (Thiết kế logo, bao bì, viết các câu chuyện cho sản phẩm Muối hầm ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên).</p> <p>- Xây dựng 01 bộ thuyết minh du lịch về làng nghề truyền thống sản xuất Muối ở cánh đồng Muối Tuyệt Diêm và làng</p>			

Handwritten mark

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
			<p>Muối hầm ở thị xã Sông cầu tỉnh Phú Yên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kết nối các tuyến du lịch gắn với làng nghề sản xuất Muối hầm ở thị xã Sông Cầu và tỉnh Phú Yên. - Bộ nhận diện thương hiệu làng nghề sản xuất Muối hầm ở thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. - Có ít nhất 01 sản phẩm Muối hầm đạt chứng chỉ OCOP từ 4 sao. - Tối thiểu 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. <p><i>Các sản phẩm trên được các cơ quan chuyên môn ở tỉnh Phú Yên chấp nhận.</i></p>			
16	<p>Ứng dụng khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển nghề, làng nghề sản xuất Miến dong, Hương thảo mộc gắn với du lịch nông thôn nhằm phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn, phát triển của làng nghề sản xuất Miến dong, Hương thảo mộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề sản xuất Miến dong, Hương thảo mộc của tỉnh Cao Bằng 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo đánh giá hiện trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm Miến dong, Hương thảo mộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. - 01 Báo cáo kết quả đánh giá hiện trạng, lựa chọn giải pháp khoa học và công nghệ phù hợp trong bảo tồn, phát triển làng nghề Miến dong, Hương thảo mộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. - 02 mô hình áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong bảo tồn, phát triển 	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Dự án

24

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
	nông thôn mới tại tỉnh Cao Bằng.	<p>trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đào tạo và nâng cao trình độ nghề cho lao động tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được 02 mô hình liên kết sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ gắn với phát triển du lịch nông thôn đối với sản phẩm Miến dong, Hương thảo mộc nhằm phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng. - Xây dựng thương hiệu làng nghề, đăng ký được công nhận sản phẩm OCOP đạt chứng nhận 4 sao đối với sản phẩm Miến dong, Hương thảo mộc. - Góp phần mở rộng vùng nguyên liệu sản xuất Miến dong, Hương thảo mộc để tạo nguyên 	<p>chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm Miến dong, Hương thảo mộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thương hiệu, bao bì, tem nhãn truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm làng nghề Miến dong, Hương thảo mộc tại tỉnh Cao Bằng. - Đăng ký được công nhận sản phẩm OCOP đạt 4 sao đối với sản phẩm Miến dong, Hương thảo mộc của tỉnh Cao Bằng. - Hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu cho làng nghề sản xuất Miến dong, Hương thảo mộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. - Đào tạo lao động trong làng nghề; tập huấn cho 300 lượt hộ dân kỹ năng nâng sản xuất, vận hành công nghệ mới trong làm Hương thảo mộc, làm đường từ mía, làm Miến dong; kỹ năng marketing du lịch sinh thái, kỹ năng bán hàng online. - 02 mô hình trải nghiệm làng nghề kết hợp với du lịch nông thôn tại Cao Bằng. - 01 phóng sự tuyên truyền. - Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ 			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>liệu hàng hóa lớn, liên kết nông dân với doanh nghiệp để phát triển bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Đề xuất được các giải pháp nhân rộng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, phát triển nghề, bảo tồn nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p>	<p>vào bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.</p> <p><i>Các sản phẩm trên được cơ quan chuyên môn ở tỉnh Cao Bằng chấp nhận.</i></p>			
17	<p>Tăng cường sinh kế để nâng cao thu nhập cho phụ nữ nông thôn trong sản xuất tơ, vải từ sợi tơ Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp.</p>	<p>- Đánh giá được hiện trạng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm từ tơ Sen gắn với phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>- Xây dựng được 01 mô hình sản xuất, chế biến, thương mại sản phẩm từ tơ Sen theo chuỗi giá trị liên kết gắn với phát</p>	<p>- 01 Báo cáo đánh giá thực trạng sản xuất, chế biến và thương mại tiêu thụ sản phẩm tơ, vải từ sợi tơ Sen trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (xác định được tiềm năng lợi thế trong liên kết chuỗi giá trị, gắn với phát triển du lịch; năng lực tham gia của phụ nữ; các khó khăn, thách thức trong phát triển bền vững...).</p> <p>- 01 mô hình sản xuất, chế biến, thương mại sản phẩm từ tơ Sen theo chuỗi giá trị liên kết gắn với phát triển du lịch</p>	24 tháng (2023-2025)	Tuyển chọn	Dự án

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>triển du lịch nông thôn nhằm tăng cường sinh kế cho phụ nữ nông thôn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nguồn sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập tăng thêm ít nhất 20% cho phụ nữ khu vực nông thôn thông qua tham gia mô hình chuỗi giá trị liên kết gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. - Hoàn thiện quy trình khoa học và công nghệ áp dụng trong sản xuất tơ, vải từ tơ Sen nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, thương hiệu của sản phẩm trên thị trường. - Đào tạo, tập huấn, chuyển giao được quy trình kỹ thuật bện thân Sen sản xuất tơ, dệt vải 	<p>nông thôn nhằm tăng cường sinh kế cho phụ nữ nông thôn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà xưởng sản xuất tơ, dệt vải tơ Sen quy mô diện tích 1000 m² phục vụ mô hình liên kết. - Chuyển giao 15 lớp nghề se, miết sợi tơ Sen và 2 lớp nghề đào tạo dệt vải tơ Sen do Hội Liên hiệp Phụ nữ Tháp Mười tổ chức; chuyển giao ứng dụng 10 lớp phương thức bện thân Sen sản xuất tơ do Hội ngành hàng Sen tỉnh Đồng Tháp thực hiện. - Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, thiết kế bao bì, tem nhãn và kiểm nghiệm, công bố chất lượng sản phẩm, đăng ký OCOP từ 4 sao trở lên, ứng dụng công nghệ số truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm tơ Sen. - Chuyển giao ứng dụng 3 quy trình sản xuất tơ Sen: quy trình từ se, miết sợi tơ sen (xoắn nhẹ, dai và lực căng của sợi chịu nặng 2 kg, đường kính sợi 0,8 mm-1mm); quy trình bện tơ Sen; quy trình dệt vải tơ Sen. - Đầu tư nâng cấp trang thiết bị máy móc 			

Handwritten mark

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
		<p>tơ tơ Sen...cho phụ nữ huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>- Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, thiết kế bao bì, tem nhãn và kiểm nghiệm, công bố chất lượng sản phẩm, đăng ký OCOP từ 4 sao trở lên, ứng dụng công nghệ số truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm tơ Sen.</p>	<p>đòi với máy chuốt thân Sen, máy sấy, máy cán, máy bện (se) và các công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất tơ và dệt.</p> <p>- Tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.</p> <p><i>Các sản phẩm trên được cơ quan chuyên môn tỉnh Đồng Tháp chấp nhận.</i></p>			

U